



FROM |  coordinated care.

# Danh Mục Thuốc 2024 (Cascade Select)

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



[Ambetter.CoordinatedCareHealth.com](https://Ambetter.CoordinatedCareHealth.com)

# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Coordinated Care (Cascade Select), hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GRASTEK SUBL	3	PA
<b>AMEBICIDES</b>		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
Gold Compounds		
RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
<i>etodolac CAPS</i>	1	
<i>etodolac TABS</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily); ST

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>indomethacin CPR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBP</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLR	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
<b>Analgesic Combinations</b>		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Salicylates</b>		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS</i>	1	
<i>salsalate</i>	1	
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	QL(50 ml daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1	
CODEINE SULFATE TABS	1	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1		<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1		NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1		<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
			<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA
<b>Opioid Combinations</b>		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<b>Opioid Partial Agonists</b>		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
UCERIS ( <i>budesonide (intrarectal)</i> )	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	QL(2 gm daily)
RECTIV ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
<b>ANTIANKXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
<b>ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1	
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
Leukotriene Modulators			ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 ea daily)	BREO ELLIPTA	2	
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)	BREO ELLIPTA ( <i>fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2	
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 ea daily)	BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>zileuton TB12</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			DULERA	2	
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	
Steroid Inhalants			<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1	
ALVESCO	3	PA	<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1	
ARNUITY ELLIPTA	2		<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ml daily); PA	<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1	QL(18 ml daily)
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1		<i>levalbuterol hcl</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 gm daily)	<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2		PROAIR DIGIHALER	3	
QVAR REDIHALER	2		PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
Sympathomimetics			SEREVENT DISKUS	2	
AIRDUO DIGIHALER 113/14	3		STIOLTO RESPIMAT	2	
AIRDUO DIGIHALER 232/14	3		STRIVERDI RESPIMAT	2	
AIRDUO DIGIHALER 55/14	3		<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1	
AIRSUPRA	3		<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
			Xanthines		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aminophylline SOLN</i>	1	
<i>theophylline ELIX</i>	1	
<i>theophylline SOLN</i>	1	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1	
<i>theophylline TB24</i>	1	
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1	
HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt amt	DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
			DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
			DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1	
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ml daily)
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1	
Anticonvulsants - Misc.			<i>lacosamide SOLN OR</i>	1	QL(40 ml daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 ea daily)
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1	
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW</i>	1		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1		<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
			<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ml daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 ea daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>phenytoin SUSP</i>	1	
TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2		Succinimides		
TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2		CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 ea daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1	
<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1	
Carbamates			<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1	
<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1	
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 ea daily)	<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tiagabine hcl</i>	1		<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Hydantoins			<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
DILANTIN	2		<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2		Antidepressants - Misc.		
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fosphenytoin sodium</i>	1		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
			<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desvenlafaxine succinate</i> 25 MG, 50 MG	1	QL(1 ea daily)	<b>Antidiabetic Combinations</b>		
<i>duloxetine hcl CPEP</i> 20 MG, 30 MG, 60 MG	1	QL(2 ea daily)	<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>duloxetine hcl CPEP</i> 40 MG	1		<i>alogliptin-pioglitazone</i> 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	1	QL(2 ea daily); PA
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA	<i>alogliptin-pioglitazone</i> 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	1	QL(1 ea daily); PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA	<i>glipizide-metformin hcl</i> 500 MG-5 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i> 150 MG	1	QL(2 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl</i> 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i> 37.5 MG	1	QL(4 ea daily)	<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i> 75 MG	1	QL(5 ea daily)	<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)	GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i> 150 MG	1	QL(2 ea daily)	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i> 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	1	QL(1 ea daily)	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<b>Tricyclic Agents</b>			JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl</i> TABS	1	QL(2 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1		SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>doxepin hcl CONC</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>imipramine hcl TABS</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1				
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1				
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1				
<i>protriptyline hcl</i>	1				
<i>trimipramine maleate</i> CAPS	1				
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>					
<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>					
<i>acarbose</i>	1	QL(3 ea daily)			
<i>miglitol</i>	1	QL(3 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	<b>Insulin</b>		
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	APIDRA SOLN	3	PA
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
<b>Biguanides</b>			HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1	QL(2.5 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1	QL(5 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1	
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1	
<b>Diabetic Other</b>			INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
<i>glucagon (rdna)</i>	1	QL(0.035 ea daily)	INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>			LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
<b>Incretin Mimetic Agents</b>			NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA			

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
<b>Insulin Sensitizing Agents</b>		
<i>pioglitazone hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Meglitinide Analogues</b>		
<i>nateglinide</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors</b>		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
<b>Sulfonylureas</b>		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
<b>Antiperistaltic Agents</b>		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
<b>Antidotes - Chelating Agents</b>		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1	
<b>Antidotes and Specific Antagonists</b>		
VISTOGARD	4	PA
<b>Opioid Antagonists</b>		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1	
<i>naltrexone hcl</i>	1	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
<b>5-HT3 Receptor Antagonists</b>		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1	PA
VARUBI TBPB	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>caspofungin acetate</i>	1	
ERAXIS	3	
<i>miconazole sodium</i>	1	PA
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1	QL(20 ml daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1	
<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>loratadine TBDP</i>	1	
<i>QUZYTIR SOLN IV</i>	3	PA
<b>Antihistamines - Phenothiazines</b>		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
<b>Antihistamines - Piperidines</b>		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1	
<b>ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
<b>Antihyperlipidemics - Combinations</b>		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Antihyperlipidemics - Misc.</b>		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Bile Acid Sequestrants</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 ea daily)
<b>Fibric Acid Derivatives</b>		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>HMG CoA Reductase Inhibitors</b>		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors</b>		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1	
<i>guanfacine hcl</i>	1	
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1	
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1	
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1	
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1	
<i>trimethoprim TABS</i>	1	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail; AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
<b>Antiprotozoal Agents</b>		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
<b>Carbapenems</b>		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
<b>Chloramphenicols</b>		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
<b>Cyclic Lipopeptides</b>		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
<b>Glycopeptides</b>		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ml per fill retail)
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone</i>	1	
<b>Lincosamides</b>		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lincomycin hcl</i>	1	
<b>Monobactams</b>		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1	
<i>melphalan hcl</i>	1	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
<b>Antimetabolites</b>		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
<b>Antineoplastic - Antibodies</b>		
ADCETRIS	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA
TRUXIMA	4	PA
YERVOY	4	SP; PA
<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
KANJINTI	4	PA
OGIVRI	4	PA
PERJETA	4	SP; PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
<b>Antineoplastic - EGFR Inhibitors</b>		
ERBITUX	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>letrozole</i>	1	
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>megestrol acetate SUSP</i>	1	
DAURISMO	4	PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1	
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>nilutamide</i>	1	QL(2 ea daily)
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>toremifene citrate</i>	1	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1	QL(1 ea daily)	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
			Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
			XPOVIO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
<b>Antineoplastic Antibiotics</b>			BRUKINSA	4	PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
<b>Antineoplastic Combinations</b>			IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Antineoplastic Enzyme Inhibitors</b>			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
			KYPROLIS	4	PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST SOLR	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA
MEKTOVI	4	SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
QINLOCK	4	PA
RETEVMO	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
TABRECTA	4	PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
TAFINLAR TBSO	4	PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
TIBSOVO	4	PA
TURALIO	4	PA
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP
MATULANE	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 ea daily); ST
<b>Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors</b>		
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1	
<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		
<b>Antimanic Agents</b>		
<i>lithium</i>	1	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1	
<b>Antipsychotics - Misc.</b>		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>Benzisoxazoles</b>		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Butyrophenones</b>		
<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>haloperidol TABS</i>	1	
<b>Dibenzapines</b>		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1	
<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
<b>Phenothiazines</b>			CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1		<i>darunavir TABS</i>	1	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1		DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1		DOVATO	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1		EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1		<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1		<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
<b>Quinolinone Derivatives</b>			<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
REXULTI	3	PA	<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>Thioxanthenes</b>			<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>thiothixene</i>	1		EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>					
<b>Antiretrovirals</b>					
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ml daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Herpes Agents</b>		
<i>acyclovir CAPS</i>	1	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>Influenza Agents</b>		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSP</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Alpha-Beta Blockers</b>		
<i>carvedilol</i>	1	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1	
<i>atenolol TABS</i>	1	
<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
<i>timolol maleate TABS</i>	1	
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Calcium Channel Blockers</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
DILTIAZEM HCL SOLR	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine</i>	1	
<i>isradipine CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1	
<i>nimodipine CAPS</i>	1	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
LANOXIN SOLN IJ ( <i>digoxin</i> )	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG ( <i>digoxin</i> )	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antagonists</b>		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors</b>		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist</b>		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator</b>		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Sinus Node Inhibitors</b>		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Transthyretin Stabilizers</b>		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Cephalosporins - 1st Generation</b>		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS</i>	1	
<i>cephalexin SUSR</i>	1	
<b>Cephalosporins - 2nd Generation</b>		
<i>cefaclor CAPS</i>	1	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefprozil SUSR</i>	1	
<i>cefprozil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1	
<b>Cephalosporins - 3rd Generation</b>		
<i>cefdinir CAPS</i>	1	
<i>cefdinir SUSR</i>	1	
<i>cefixime CAPS</i>	1	
<i>cefixime SUSR</i>	1	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1		NATAZIA	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA ( <i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i> )	0		<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone acet &amp; eth estra</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail; 9 ea per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal					
ANNOVERA	0			0	PA
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0			0	QL(0.05 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Copper Contraceptives - IUD			DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1	
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1	
Emergency Contraceptives			<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1	
ELLA	0		<i>dexamethasone ELIX</i>	1	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone SOLN</i>	1	
Progestin Contraceptives - Implants			<i>dexamethasone TABS</i>	1	
NEXPLANON	0		EMFLAZA SUSP	4	PA
Progestin Contraceptives - Injectable			EMFLAZA TABS ( <i>deflazacort</i> )	4	PA
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	90 rtl day(s) supply; 90 rtl lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)	MEDROL TABS	3	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)	<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
Progestin Contraceptives - IUD			<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
KYLEENA	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0		<i>methylprednisolone TBPK</i>	1	
MIRENA	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
SKYLA	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone TABS</i>	1	
OPILL	0		<i>prednisone SOLN</i>	1	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisone TABS</i>	1	
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>			<i>prednisone TBPK</i>	1	
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 ea daily)	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-MEDROL 2 GM	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3				

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide</i> SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	1	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS	1	
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1	
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide- erythromycin GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate- benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate- benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate- tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<b>Antibiotics - Topical</b>		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antifungals - Topical</b>		
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 gm daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 gm daily)			
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 gm daily)			
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)			
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)	<b>Antipsoriatics</b>		
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1		<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill	<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tavaborole</i>	1	PA	<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<b>Anti-inflammatory Agents - Topical</b>			<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<b>Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical</b>			COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 gm daily)	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)	<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Antipruritics - Topical</b>			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
			SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
			<i>tazarotene CREA</i>	1	QL(1 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<b>Antiseborrheic Products</b>			<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<b>Antivirals - Topical</b>			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<b>Burn Products</b>			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	ST
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 gm daily); PA
<b>Corticosteroids - Topical</b>			<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ml daily); PA
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>amcinonide OINT</i>	3				
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)			
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>prednicarbate OINT</i>	1	
<i>fluocinonide OINT</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(6 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1	PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents</b>		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<b>Rosacea Agents</b>		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
<b>Wound Care Products</b>		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
<b>Diagnostic Tests</b>		
CHEMSTRIP-K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
KETONE TEST STRIPS STRP	1	
KETONE STRP	1	
KETOSTIX STRP	1	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1	
PRECISION XTRA	1	
PTS PANELS KETONE TEST	1	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
<b>Loop Diuretics</b>		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>torseamide TABS</i>	1	
<b>Potassium Sparing Diuretics</b>		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 ea daily)
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>		
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>		
<b>Bone Density Regulators</b>		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FORTEO SOPN ( <i>teriparatide (recombinant)</i> )	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
<b>Corticotropin</b>		
ACTHAR	3	PA
<b>Fertility Regulators</b>		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Growth Hormone Receptor Antagonists			<i>doxercalciferol CAPS</i>	1	
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			ELAPRASE	4	SP; PA
EGRIFTA 2 MG	4	PA	GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
EGRIFTA SV	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA
Growth Hormones			MYALEPT	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	NAGLAZYME	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
Hormone Receptor Modulators			PHEBURANE PLLT	4	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
INCRELEX	4	SP; PA	<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			Posterior Pituitary Hormones		
FENSOLVI SC	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1	
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
Metabolic Modifiers			<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
ALDURAZYME	4	SP; PA	STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA	Prolactin Inhibitors		
<i>calcitriol CAPS</i>	1		<i>cabergoline</i>	1	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1		Somatostatic Agents		
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS</i>	1	
ESTROGEL GEL 0.06 % ( <i>estradiol</i> )	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	
<i>mesalamine CPDR</i>	1	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
VELPHORO	3	PA
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	
Urinary Stone Agents		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THIOLA EC TBEC 300 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1	PA
<i>temazepam</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
Local Anesthetics - Amides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	
<i>azithromycin SOLR</i>	1	
<i>azithromycin SUSR</i>	1	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1	
<i>clarithromycin TABS</i>	1	
<i>clarithromycin TB24</i>	1	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		MAXX LUBRICATED MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FEMCAP DEVI	0		PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0		TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC	0	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0				

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		<b>Parenteral Therapy Supplies</b>		
<b>Diabetic Supplies</b>			SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>		
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	<b>Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag</b>		
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	AIMOVI	2	QL(0.04 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
			EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
			EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST
<b>Migraine Combinations</b>		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)
<b>Migraine Products</b>		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ml daily)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
<b>Serotonin Agonists</b>		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST

## MINERALS & ELECTROLYTES

### Bicarbonates

<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1	

### Calcium

<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
--	---	--

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Electrolyte Mixtures</b>		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
<i>electrolyte-148</i>	1	
<i>electrolyte-a</i>	1	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-S	1	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1	
<i>lactated ringer's</i>	1	
NORMOSOL-M/D5W	1	
NORMOSOL-R	1	
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1	
PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1	
<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>potassium chloride in nacl</i> )	1	
<i>ringer's</i>	1	
<b>Fluoride</b>		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<b>Magnesium</b>		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1	
<b>Phosphate</b>		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1	
<b>Potassium</b>		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1	
<b>Sodium</b>		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	

### MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Chelating Agents</b>		
<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
<b>Immunomodulators</b>		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<b>Immunosuppressive Agents</b>		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1	
<i>azathioprine TABS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1	
<i>mycophenolate sodium</i>	1	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<b>Irrigation Solutions</b>		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	
<i>ringer's irrigation</i>	1	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
<b>Potassium Removing Agents</b>		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1	
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		
<b>Anesthetics Topical Oral</b>		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
<b>Anti-infectives - Throat</b>		
<i>clotrimazole</i>	1	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
<b>Antiseptics - Mouth/Throat</b>		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
DEBACTEROL	2	
<b>Dental Products</b>		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
<b>Steroids - Mouth/Throat/Dental</b>		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
<b>Throat Products - Misc.</b>		
<i>cevimeline hcl</i>	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
<b>MULTIVITAMINS</b>		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	
<i>carisoprodol TABS</i>	1	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>carisoprodol w/ aspirin &amp; codeine</i>	3	PA
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 ml daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1		NATACYN	2	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<b>Cycloplegic Mydriatics</b>			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1		<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ml daily)	<i>trifluridine</i>	1	
<b>Miotics</b>			ZIRGAN GEL	2	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1		<b>Ophthalmic Immunomodulators</b>		
<b>Ophthalmic Adrenergic Agents</b>			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>apraclonidine hcl</i>	1		<b>Ophthalmic Local Anesthetics</b>		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1		<i>proparacaine hcl</i>	1	
IOPIDINE	3		<b>Ophthalmic Steroids</b>		
<b>Ophthalmic Anti-infectives</b>			ALREX SUSP ( <i>loteprednol etabonate</i> )	3	PA
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ml daily)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>difluprednate</i>	1	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1		FML FORTE SUSP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1		FML OINT	3	PA
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1		LOTEMAX OINT	3	PA
<i>gentamicin sulfite (ophth) OINT</i>	1		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>gentamicin sulfite (ophth) SOLN</i>	1		<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
			<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ml daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1	
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Antidementia Agents		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 5 MG	1	QL(1 ea daily)	AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 10 MG	1	QL(2 ea daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 10 MG	1	QL(2 ea daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride</i> TBDP 5 MG	1	QL(1 ea daily)	<i>dimethyl fumarate</i> CDPK	1	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> CP24	1	QL(1 ea daily)	<i>dimethyl fumarate</i> CPDR	1	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> SOLN	1	QL(6 ml daily)	<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide</i> TABS	1	QL(2 ea daily)	<i>glatiramer acetate</i> SOSY 40 MG/ML	3	QL(0.43 ml daily)
<i>memantine hcl</i> TABS	1	QL(2 ea daily)	<i>glatiramer acetate</i> SOSY 20 MG/ML	3	QL(1 ml daily)
<i>memantine hcl</i> TABS	1		KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>rivastigmine tartrate</i> CAPS	1		PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
Combination Psychotherapeutics			PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1		PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 ea daily)	PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
Fibromyalgia Agents			REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
Movement Disorder Drug Therapy			REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	<i>pregabalin (once-daily)</i> 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>pregabalin (once-daily)</i> 330 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Multiple Sclerosis Agents			Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.</b>		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	
<i>pimozide</i>	1	
<b>Smoking Deterrents</b>		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
<b>Transthyretin Amyloidosis Agents</b>		
TEGSEDI	4	PA
<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
<b>Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)</b>		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
<b>Cystic Fibrosis Agents</b>		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Pulmonary Fibrosis Agents</b>		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Sulfonamides</b>		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1	
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Fluorocyclines</b>		
XERAVA	4	PA
<b>Glycylcyclines</b>		
<i>tigecycline</i>	1	
<b>Tetracyclines</b>		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1	
NP THYROID 120 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
<i>famotidine SUSR</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>nizatidine CAPS</i>	1	
<i>nizatidine SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1	
Misc. Anti-Ulcer		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Proton Pump Inhibitors</b>		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<b>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</b>	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<b>Ulcer Drugs - Prostaglandins</b>		
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 ea daily)
<b>Ulcer Therapy Combinations</b>		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)</b>		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>tropium chloride CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<b>Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists</b>		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
<b>Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants</b>		
<i>flavoxate hcl</i>	1	
<b>VACCINES</b>		
<b>Bacterial Vaccines</b>		
<b>ACTHIB SOLR IM</b>	0	
<b>BEXSERO</b>	0	
<b>HIBERIX SOLR IJ</b>	0	
<b>MENACTRA</b>	0	
<b>MENQUADFI</b>	0	
<b>MENVEO SOLR</b>	0	
<b>PEDVAX HIB SUSP</b>	0	
<b>PNEUMOVAX 23</b>	0	
<b>PNEUMOVAX 23/1 DOSE</b>	0	
<b>PREVNAR 13</b>	0	
<b>PREVNAR 20</b>	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUMENBA	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<b>Viral Vaccines</b>			FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ABRYSVO	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AREXVY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0				
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0				
COMIRNATY SUSP	0				
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			HAVRIX	0	
			HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill
			IPOL INACTIVATED IPV	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 50 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	29	acyclovir CAPS .....	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14 .....	9
abacavir sulfate TABS .....	29	acyclovir SUSP .....	31	AIRDUO DIGIHALER 55/14 .....	9
abacavir sulfate-lamivudine .....	29	acyclovir TABS OR .....	31	AIRSUPRA .....	9
ABELCET .....	17	acyclovir topical CREA .....	39	AKYNZEO .....	17
abiraterone acetate 250 MG .....	24	acyclovir topical OINT .....	39	albendazole .....	7
abiraterone acetate 500 MG .....	24	ADACEL SUSP .....	62	albuterol sulfate AERS .....	9
ABRYSCO .....	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML .....	9
acamprosate calcium .....	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	albuterol sulfate SYRP .....	9
acarbose .....	14	adapalene CREA .....	36	albuterol sulfate TABS .....	9
acebutolol hcl CAPS .....	31	adapalene GEL 0.1 % .....	36	alclometasone dipropionate CREA	39
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 % .....	36	alclometasone dipropionate OINT	39
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	36	ALDURAZYME .....	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	23	ALECENSA .....	25
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	30	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	43
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG ....	6	ADEMPAS .....	33	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	43
acetazolamide CP12 .....	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ....	62	alfuzosin hcl .....	46
acetazolamide sodium .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP .....	64	ALINIA SUSR .....	21
acetazolamide TABS 125 MG .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	64	aliskiren fumarate .....	20
acetazolamide TABS 250 MG .....	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	64	allopurinol .....	47
acetic acid (otic) .....	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	64	almotriptan malate 12.5 MG .....	52
acetic acid 0.25 % .....	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	64	almotriptan malate 6.25 MG .....	52
acetylcysteine SOLN .....	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	ALOCRIAL .....	58
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	64	alogliptin benzoate .....	15
acitretin 25 MG .....	38	AIMOVIG .....	51	alogliptin-metformin hcl .....	14
ACTHAR .....	43	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	49	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG .....	14
ACTHIB SOLR IM .....	63	AIRDUO DIGIHALER 113/14 .....	9	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG,	
ACTIMMUNE .....	26				

30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	calcium	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
ALOMIDE	58	amlodipine besylate-benazepril hcl 19		amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alosetron hcl	46	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	19	amphotericin b IV	17
alprazolam TABS	8	amlodipine besylate-valsartan	19	amphotericin b liposome	17
alprazolam TB24	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	19	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
alprazolam TBDP	8	amoxapine	14	ampicillin CAPS 500 MG	59
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	57	amoxicillin & pot clavulanate CHEW 59		ampicillin sodium IJ 1 GM	59
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		anagrelide hcl	47
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		anastrozole	24
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin & pot clavulanate TB12 59		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	59	ANNOVERA	34
alvimopan	46	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG 59		ANORO ELLIPTA	9
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR	59	ANZEMET TABS 50 MG	16
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin TABS	59	APIDRA SOLN	15
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ambrisentan	33	amphetamine sulfate TABS	1	apomorphine hydrochloride SOCT	27
amcinonide CREA	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	apraclonidine hcl	57
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	aprepitant CAPS 80 MG	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS	17
amiloride & hydrochlorothiazide	42			aprepitant MISC	17
amiloride hcl TABS	43			APTIOM	11
aminocaproic acid TABS	48			APTIVUS CAPS	29
aminophylline SOLN	10				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	14				
amlodipine besylate TABS	32				
amlodipine besylate-atorvastatin					



ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	47	ATGAM .....	54	azithromycin TABS 600 MG .....	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	47	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	aztreonam 1 GM .....	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	47	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG .....	1	bacitracin (ophthalmic) .....	57
ARCALYST .....	3	atorvastatin calcium TABS .....	18	bacitracin .....	20
AREXVY .....	64	atovaquone .....	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG ....	56
arformoterol tartrate .....	9	atovaquone-proguanil hcl .....	21	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	34
ARIKAYCE .....	2	atracurium besylate 100 MG/10ML 56		balsalazide disodium CAPS .....	46
aripiprazole SOLN OR .....	29	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	62	BALVERSA .....	25
aripiprazole TABS .....	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
armodafinil .....	1	ATROVENT HFA .....	8	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ARMOUR THYROID TABS .....	62	AUSTEDO TABS .....	60	BARACLUDE SOLN .....	30
ARNUITY ELLIPTA .....	9	AVONEX PEN AJKT .....	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN .....	15
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	26	AVONEX PSKT .....	60	BAXDELA SOLR .....	45
ARZERRA .....	23	AYVAKIT .....	24	BAXDELA TABS .....	45
ascorbic acid SOLN IJ .....	67	azacitidine SUSR .....	23	BELSOMRA .....	48
asenapine maleate 2.5 MG .....	28	AZASITE .....	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	19
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	AZATHIOPRINE .....	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	19
aspirin CHEW .....	4	azathioprine TABS .....	54	benazepril hcl .....	19
aspirin TABS 325 MG .....	4	azelaic acid GEL .....	41	bendamustine hcl SOLR .....	22
aspirin TBEC 325 MG .....	4	azelastine hcl (ophth) .....	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
aspirin TBEC 81 MG .....	4	azelastine hcl .....	56	benzonatate 100 MG .....	36
aspirin-dipyridamole .....	47	AZELEX .....	36	benzonatate 150 MG .....	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	29	azithromycin PACK .....	49	benzonatate 200 MG .....	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	29	azithromycin SOLR .....	49	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....	36
atenolol & chlorthalidone .....	19	azithromycin SUSR .....	49	benzoyl peroxide GEL 10 % .....	36
atenolol TABS .....	31	azithromycin TABS 250 MG .....	49		
		azithromycin TABS 500 MG .....	49		

benzoyl peroxide GEL 5 %	36	bexarotene	26	bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	58
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	36	BEXSERO	63	bromocriptine mesylate CAPS	27
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	36	bicalutamide	24	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27
benztropine mesylate SOLN	27	BIKTARVY	29	BRUKINSA	25
benztropine mesylate TABS	27	bimatoprost SOLN	58	budesonide (inhalation) SUSP	9
bepotastine besilate	58	bisacodyl SUPP	49	budesonide (intrarectal)	7
BESIVANCE	57	bisacodyl TBEC	49	budesonide (nasal)	56
betaine	44	bisoprolol & hydrochlorothiazide	19	budesonide CPEP	35
betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	bisoprolol fumarate	31	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	9
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	43
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	BOOSTRIX SUSP	62	bumetanide TABS	43
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	BOOSTRIX SUSY	62	buprenorphine hcl SOLN	6
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl SUBL	6
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	6
betamethasone valerate CREA	39	bosentan TABS 125 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	6
betamethasone valerate FOAM	39	bosentan TABS 62.5 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	6
betamethasone valerate LOTN	39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	25	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate OINT	39	BOSULIF TABS 400 MG	25	bupropion hcl (smoking deterrent)	61
BETASERON KIT	60	BRAFTOVI 75 MG	25	bupropion hcl TABS	12
betaxolol hcl (ophth) SOLN	56	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	9	bupropion hcl TB12 100 MG	12
betaxolol hcl	31	BREO ELLIPTA	9	bupropion hcl TB12 150 MG	12
bethanechol chloride 25 MG	63	BREZTRI AEROSPHERE	9	bupropion hcl TB12 200 MG	12
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	63	BRILINTA	47	bupropion hcl TB24 150 MG	12
bexarotene (topical)	38	brimonidine tartrate (topical)	41	bupropion hcl TB24 300 MG	13
		brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	57	buspirone hcl	8
		brimonidine tartrate-timolol maleate	56	busulfan SOLN	22
		brinzolamide	58		
		BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	11		
		BRIVIACT TABS	11		

butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....	22
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS .....	46	carisoprodol TABS .....	56
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carisoprodol w/ aspirin & codeine	.56
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium polycarbophil TABS .....	49	carmustine .....	22
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6	CALQUENCE .....	25	carteolol hcl (ophth) .....	57
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6	candesartan cilexetil .....	19	carvedilol .....	31
butalbital-aspirin-caffeine CAPS .....	4	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide .....	19	carvedilol phosphate .....	31
butalbital-aspirin-caffeine w/cod .....	6	CAPASTAT SULFATE .....	22	caspofungin acetate .....	17
butenafine hcl .....	37	capecitabine .....	23	CAYA DPRH .....	49
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	7	CAPRELSA .....	25	CAYSTON .....	21
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .....	7	captopril 12.5 MG .....	19	cefaclor CAPS .....	33
cabergoline .....	44	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....	33
CABLIVI .....	47	carbamazepine CHEW .....	11	cefadroxil CAPS .....	33
CABOMETYX TABS .....	25	carbamazepine CP12 100 MG .....	11	cefadroxil SUSR .....	33
calcipotriene CREA .....	38	carbamazepine CP12 200 MG .....	11	cefadroxil TABS .....	33
calcipotriene OINT .....	38	carbamazepine CP12 300 MG .....	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....	33
calcipotriene SOLN .....	38	carbamazepine SUSP .....	11	cefdinir CAPS .....	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	39	carbamazepine TABS .....	11	cefdinir SUSR .....	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	34
calcitonin (salmon) NA .....	43	carbamazepine TB12 200 MG .....	11	cefixime CAPS .....	33
calcitriol (topical) .....	38	carbidopa .....	27	cefixime SUSR .....	33
calcitriol CAPS .....	44	carbidopa-levodopa TABS .....	27	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	33
calcitriol SOLN IV .....	44	carbidopa-levodopa TBCR .....	27	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
		carbidopa-levodopa TBCR .....	27	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
		carbidopa-levodopa TBCR .....	27	cefpodoxime proxetil SUSR .....	34
		carbidopa-levodopa TBCR .....	27	cefpodoxime proxetil TABS .....	34
		carbidopa-levodopa-entacapone .....	27	cefprozil SUSR .....	33
		carbinoxamine maleate SOLN .....	17	cefprozil TABS .....	33
		carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	17	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM .....	34

ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG .....	34	MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT .....	67	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ....	22
cefuroxime axetil TABS .....	33	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....	67	citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG .....	33	cholestyramine light PACK .....	18	citalopram hydrobromide TABS 10 MG .....	13
celecoxib .....	3	cholestyramine light POWD .....	18	citalopram hydrobromide TABS 20 MG .....	13
CELONTIN (methsuximide) .....	12	cholestyramine PACK .....	18	citalopram hydrobromide TABS 40 MG .....	13
cephalexin CAPS .....	33	cholestyramine POWD .....	18	clarithromycin SUSR .....	49
cephalexin SUSR .....	33	choline fenofibrate .....	18	clarithromycin TABS .....	49
CERDELGA .....	47	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43		clarithromycin TB24 .....	49
CEREZYME 400 UNIT .....	47	ciclopirox GEL .....	37	CLASSIC PRENATAL TABS .....	55
cetirizine hcl TABS .....	18	ciclopirox olamine CREA .....	37	clemastine fumarate SYRP .....	17
cevimeline hcl .....	54	ciclopirox olamine SUSP .....	37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 17	
CHEMET .....	16	ciclopirox SHAM .....	37	CLIMARA PRO .....	45
CHEMSTRIP-K STRP .....	41	ciclopirox SOLN .....	37	clindamycin hcl .....	21
chloramphenicol sodium succinate 21		cidofovir .....	30	clindamycin palmitate hydrochloride . 21	
chlordiazepoxide hcl CAPS .....	8	cilostazol .....	47	clindamycin phosphate (topical) FOAM .....	36
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide .....	62	CIMDUO .....	29	clindamycin phosphate (topical) GEL 36	
chlordiazepoxide-amitriptyline ....	60	cimetidine TABS .....	62	clindamycin phosphate (topical) LOTN .....	36
chlorhexidine gluconate (mouth- throat) .....	54	cinacalcet hcl .....	44	clindamycin phosphate (topical) SOLN .....	36
chloroquine phosphate TABS 250 MG .....	22	CIPRO SUSR .....	45	clindamycin phosphate (topical) SWAB .....	36
chloroquine phosphate TABS 500 MG .....	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ....	57	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	21
chlorpromazine hcl SOLN .....	29	ciprofloxacin hcl (otic) .....	58	clindamycin phosphate vaginal CREA .....	66
chlorpromazine hcl TABS .....	29	ciprofloxacin hcl TABS .....	45		
chlorthalidone 25 MG, 50 MG .....	43	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML .....	45		
chlorzoxazone TABS 500 MG .....	56	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML .....	45		
CHOLBAM .....	45	ciprofloxacin-dexamethasone ....	58		
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 58		ciprofloxacin-fluocinolone acetone . 58			

clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	36	clotrimazole (topical) CREA .....	37	CORLANOR SOLN .....	33
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	36	clotrimazole (topical) SOLN .....	37	CORLANOR TABS .....	33
clindamycin phosphate-tretinoin ..	36	clotrimazole .....	54	CORTISPORIN-TC .....	58
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56		clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	66	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	38
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56		clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	37	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 56		clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	37	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML ..	38
clobazam SUSP .....	10	clozapine TABS .....	28	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38
clobazam TABS .....	10	clozapine TBDP 100 MG .....	28	CREON CPEP .....	42
clobetasol propionate CREA 0.05 % .	39	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28		CRESEMBA CAPS 186 MG .....	17
clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....	39	clozapine TBDP 25 MG .....	28	cromolyn sodium (ophth) .....	58
clobetasol propionate FOAM .....	39	COARTEM .....	22	cromolyn sodium NEBU .....	8
clobetasol propionate GEL 0.05 % 39		codeine sulfate TABS 30 MG .....	5	crotamiton LOTN .....	41
clobetasol propionate OINT 0.05 % 39		CODEINE SULFATE TABS .....	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	55
clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	39	colchicine TABS .....	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	47
clocortolone pivalate .....	39	colchicine w/ probenecid .....	47	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG .....	56
clofarabine .....	23	colesevelam hcl PACK .....	18	cyclophosphamide CAPS .....	22
clomiphene citrate TABS .....	43	colesevelam hcl TABS .....	18	cyclophosphamide SOLR IJ .....	22
clomipramine hcl .....	14	colestipol hcl GRAN .....	18	cycloserine .....	22
clonazepam TABS .....	10	colestipol hcl PACK .....	18	cyclosporine (ophth) EMUL .....	57
clonidine .....	19	colestipol hcl TABS .....	18	cyclosporine CAPS .....	54
clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1	COMETRIQ KIT .....	25	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS .....	54
clonidine hcl TABS .....	19	COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	64	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	54
clopidogrel bisulfate 300 MG .....	47	COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	64	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML ..	54
clopidogrel bisulfate 75 MG .....	47	COMIRNATY SUSP .....	64	CYLTEZO AJKT .....	3
clorazepate dipotassium TABS .....	8	COMPLERA .....	29	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML .....	3
		CONTRACE .....	1		
		COPIKTRA .....	25		
		CORDRAN TAPE .....	40		

CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT .....	3	DELSTRIGO .....	29	dexamethasone ELIX .....	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	demeclocycline hcl TABS .....	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	35
cyproheptadine hcl SYRP .....	18	DEPO-ESTRADIOL .....	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	57
cyproheptadine hcl TABS .....	18	DEPO-MEDROL SUSP .....	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	35
CYSTAGON CAPS .....	46	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	35	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML .....	35
CYSTARAN .....	58	desipramine hcl TABS .....	14	dexamethasone SOLN .....	35
cytarabine SOLN .....	23	desloratadine TABS .....	18	dexamethasone TABS .....	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 10 .....	10	desloratadine TBDP 2.5 MG .....	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 17 .....	17
dacarbazine SOLR 200 MG .....	26	desmopressin acetate SOLN IJ ... 44 .....	44	dexlansoprazole .....	63
dactinomycin .....	25	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....	44	dexmethylphenidate hcl CP24 .....	1
dalfampridine .....	60	desmopressin acetate spray .....	44	dexmethylphenidate hcl TABS .....	1
danazol CAPS .....	7	desmopressin acetate spray refrigerated .....	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....	1
dantrolene sodium CAPS .....	56	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44 .....	44	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....	1
dapsone .....	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44 .....	44	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG .....	1
DAPTACEL .....	62	desogestrel & ethinyl estradiol ... 34 .....	34	dextrose in lactated ringers .....	53
daptomycin 500 MG .....	21	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	34	DIACOMIT CAPS 250 MG .....	11
darifenacin hydrobromide .....	63	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	34	DIACOMIT CAPS 500 MG .....	11
darunavir TABS .....	29	desonide CREA .....	40	DIACOMIT PACK 250 MG .....	11
DAURISMO .....	24	desonide LOTN .....	40	DIACOMIT PACK 500 MG .....	11
DEBACTEROL .....	54	desonide OINT .....	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11 .....	11
decitabine .....	23	desoximetasone CREA 0.25 % ... 40 .....	40	diazepam CONC .....	8
deferasirox PACK .....	16	desoximetasone GEL .....	40	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML .... 8 .....	8
deferasirox TABS .....	16	desoximetasone OINT 0.25 % .... 40 .....	40		
deferasirox TBSO .....	16	desvenlafaxine succinate 100 MG .13 .....	13		

diazepam TABS .....	8	extended) .....	12	dipyridamole .....	47
diazoxide .....	15	DILANTIN .....	12	disopyramide phosphate CAPS .....	8
dichlorphenamide .....	42	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) .....	12	disulfiram .....	59
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	DIURIL SUSP .....	43
diclofenac potassium TABS 50 MG .3		diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	divalproex sodium TB24 .....	12
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	38	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	32	divalproex sodium TBEC .....	12
diclofenac sodium (ophth) .....	58	diltiazem hcl CP12 .....	32	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	27
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl CP24 .....	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	27
diclofenac sodium TB24 .....	3	diltiazem hcl CP24 .....	32	docusate calcium .....	49
diclofenac sodium TBEC .....	3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG .....	32	docusate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac w/ misoprostol TBEC ....	3	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML .	32	docusate sodium CAPS 250 MG ..	49
dicloxacillin sodium .....	59	DILTIAZEM HCL SOLR .....	32	dofetilide .....	8
dicyclomine hcl CAPS .....	62	diltiazem hcl TABS .....	32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	60
dicyclomine hcl SOLN OR .....	62	diltiazem hcl TB24 .....	32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG .	60
dicyclomine hcl TABS .....	62	dimethyl fumarate CDPK .....	60	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	60
DIFFERIN LOTN .....	36	dimethyl fumarate CPDR .....	60	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 60	
DIFICID TABS .....	49	DIPENTUM .....	46	DOPTELET .....	47
diflorasone diacetate CREA .....	40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 17		dorzolamide hcl .....	58
diflorasone diacetate OINT .....	40	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML .....	17	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
diflunisal TABS .....	4	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML .....	17	DOVATO .....	29
difluprednate .....	57	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	18	doxazosin mesylate .....	19
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ....	32	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxepin hcl (antipruritic) .....	38
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG .....	32	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxepin hcl (sleep) .....	48
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML .....	52	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..	62	doxepin hcl CAPS .....	14
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML .....	52			doxepin hcl CONC .....	14
DILANTIN (phenytoin sodium				doxercalciferol CAPS .....	44
				doxercalciferol SOLN .....	44

doxorubicin hcl liposomal .....	25	EDURANT .....	29	fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG .....	29
doxorubicin hcl SOLN .....	25	efavirenz CAPS 200 MG .....	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	29
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG .....	25	efavirenz CAPS 50 MG .....	29	EMTRIVA SOLN .....	29
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	61	efavirenz TABS .....	29	EMVERM CHEW .....	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	61	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG .....	61	EGRIFTA 2 MG .....	44	enalapril maleate TABS .....	19
doxycycline hyclate CAPS .....	61	EGRIFTA SV .....	44	ENBREL MINI SOCT .....	4
doxycycline hyclate SOLR .....	61	ELAPRASE .....	44	ENBREL SOLN .....	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	61	electrolyte-148 .....	53	ENBREL SOLR .....	4
doxylamine-pyridoxine TBEC .....	17	electrolyte-a .....	53	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4
dronabinol CAPS .....	17	ELESTRIN GEL .....	45	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol ....	34	eletriptan hydrobromide .....	52	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium .....	34	ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	24	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
DROXIA CAPS .....	47	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	24	ENGERIX-B SUSY .....	64
DUAVEE .....	45	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	10
DULERA .....	9	ELIQUIS TABS .....	10	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	10
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14	ELLA .....	35	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	10
duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	ELMIRON CAPS .....	46	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	10
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	49	EMCYT .....	24	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	10
dutasteride .....	46	EMFLAZA SUSP .....	35	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	10
dutasteride-tamsulosin hcl .....	46	EMFLAZA TABS (deflazacort) ....	35	ENSPRYNG .....	54
econazole nitrate CREA .....	37	EMGALITY SOAJ .....	51	entacapone .....	27
EDARBI .....	19	EMGALITY SOSY 100 MG/ML ....	51		
		EMGALITY SOSY 120 MG/ML ....	51		
		EMSAM .....	13		
		emtricitabine CAPS .....	29		
		emtricitabine-tenofovir disoproxil			



entecavir TABS .....	30	erythromycin (acne aid) SOLN .....	36	ethambutol hcl TABS .....	22
EPIDIOLEX .....	11	erythromycin (ophth) .....	57	ethosuximide CAPS .....	12
epinastine hcl (ophth) .....	58	erythromycin base CPEP .....	49	ethosuximide SOLN .....	12
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	67	erythromycin base TABS .....	49	ethynodiol diacet & eth estrad ....	34
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	67	erythromycin base TBEC .....	49	etodolac CAPS .....	3
EPIVIR HBV SOLN .....	30	erythromycin ethylsuccinate SUSR 49		etodolac TABS .....	3
eplerenone .....	20	erythromycin ethylsuccinate TABS	49	etonogestrel-ethinyl estradiol ....	34
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48	escitalopram oxalate SOLN .....	13	ETOPOPHOS .....	27
epoprostenol sodium .....	32	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etoposide CAPS .....	27
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML .....	27
EQUETRO 100 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etravirine 100 MG .....	29
EQUETRO 200 MG .....	28	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	etravirine 200 MG .....	29
EQUETRO 300 MG .....	28	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG .....	63	EUCRISA .....	41
ERAXIS .....	17	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG .....	63	EVAMIST SOLN .....	45
ERBITUX .....	23	esomeprazole magnesium TBEC .	63	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	54
ergocalciferol CAPS .....	67	estazolam .....	48	everolimus TABS .....	25
ergocalciferol SOLN OR .....	67	estradiol GEL 0.06 % .....	45	EVOTAZ .....	29
ergoloid mesylates TABS .....	61	estradiol GEL .....	45	exemestane .....	24
ERGOMAR SUBL .....	52	estradiol PTTW .....	45	ezetimibe .....	19
ergotamine w/ caffeine TABS .....	52	estradiol PTWK .....	45	ezetimibe-simvastatin .....	18
ERIVEDGE .....	24	estradiol PTWK .....	45	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	31
ERLEADA 240 MG .....	24	estradiol TABS .....	45	famciclovir 500 MG .....	31
ERLEADA 60 MG .....	24	estradiol vaginal CREA .....	67	famotidine in nacl SOLN .....	62
erlotinib hcl .....	24	estradiol vaginal TABS .....	67	famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML .....	62
ERTACZO .....	37	estradiol valerate .....	45	famotidine SUSR .....	62
ertapenem sodium IJ .....	21	ESTROGEL GEL 0.06 % (estradiol) 45		famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62
erythromycin (acne aid) PADS .....	36	eszopiclone .....	48	FANAPT .....	28
		ethacrynic acid .....	43	FANAPT TITRATION PACK .....	28

FANTASY LUBRICATED MISC ... 50	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP ..... 65
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	finasteride ..... 46	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY ..... 65
FARXIGA ..... 16	fingolimod hcl ..... 60	fluconazole SUSR ..... 17
FASENRA PEN SOAJ ..... 8	FIRDAPSE ..... 22	fluconazole TABS ..... 17
FASENRA SOSY ..... 8	FIRMAGON ..... 24	flucytosine ..... 17
FC2 FEMALE CONDOM ..... 50	flavoxate hcl ..... 63	fludarabine phosphate SOLN ..... 23
febuxostat ..... 47	flecainide acetate ..... 8	fludarabine phosphate SOLR ..... 23
felbamate SUSP ..... 12	floxuridine ..... 23	fludrocortisone acetate TABS ..... 36
felbamate TABS 400 MG ..... 12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022 ..... 64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY ..... 65
felbamate TABS 600 MG ..... 12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 ..... 64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY ..... 65
felodipine ..... 32	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 ..... 64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY ..... 65
FEMCAP DEVI ..... 50	FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY ..... 64	FLUMIST QUADRIVALENT ..... 65
FEMRING ..... 67	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY ..... 64	flunisolide (nasal) 0.025 % ..... 56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG ..... 18	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY ..... 64	fluocinolone acetonide (otic) ..... 58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG ..... 18	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022 ..... 64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40
fenoprofen calcium TABS ..... 3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023 ..... 64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % ..... 40
FENSOLVI SC ..... 44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024 ..... 64	fluocinolone acetonide OIL ..... 40
fentanyl citrate LPOP ..... 5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP ..... 64	fluocinolone acetonide OINT ..... 40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR ..... 5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY ..... 65	fluocinolone acetonide SOLN ..... 40
ferrous fumarate-folic acid ..... 48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP ..... 65	fluocinonide CREA 0.05 % ..... 40
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ... 48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY ..... 65	fluocinonide emulsified base ..... 40
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG ..... 48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP ..... 65	fluocinonide GEL ..... 40
ferrous sulfate TBEC 325 MG ..... 48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY ..... 65	fluocinonide OINT ..... 40
fesoterodine fumarate ..... 63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY ..... 65	fluocinonide SOLN ..... 40
FETZIMA CP24 ..... 14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY ..... 65	fluorometholone (ophth) SUSP ..... 57

fluorouracil (topical) CREA 5 %	38	fluticasone-salmeterol AEPB	9	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML	10
fluorouracil (topical) SOLN	38	fluticasone-salmeterol AERO	9	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	41
fluorouracil 500 MG/10ML	23	fluvastatin sodium CAPS 20 MG	18	FORA TEST N' GO	
fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	18	ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	41
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG	13	formoterol fumarate NEBU	9
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	13	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	43
fluoxetine hcl CPDR	13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	65	FOSAMAX PLUS D	43
fluoxetine hcl SOLN	13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	65	fosamprenavir calcium TABS	29
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	65	fosfomycin tromethamine	21
fluoxetine hcl TABS 20 MG	13	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluphenazine hcl CONC	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	fosinopril sodium	19
fluphenazine hcl ELIX	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65	fosphenytoin sodium	12
fluphenazine hcl SOLN	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65	FRAGMIN SOSY	10
fluphenazine hcl TABS	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurandrenolide LOTN	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurazepam hcl	48	FML FORTE SUSP	57	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen sodium	58	FML OINT	57	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen TABS	4	folic acid TABS	47	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flutamide	24	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	10	FREESTYLE LIBRE	
fluticasone furoate-vilanterol	9	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	10	FREESTYLE LIBRE	
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML	10		
fluticasone propionate (nasal) SUSP	56				
fluticasone propionate CREA 0.05 %	40				
fluticasone propionate hfa	9				
fluticasone propionate LOTN	40				
fluticasone propionate OINT	40				

LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	51	GAMUNEX-C 1 GM/10ML .....	59	glipizide TB24 .....	16
frovatriptan succinate .....	52	GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML .....	59	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....	14
fulvestrant SOSY .....	24	ganciclovir sodium SOLR .....	30	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....	14
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....	43	ganirelix acetate .....	43	GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	41
furosemide TABS .....	43	GARDASIL 9 SUSP .....	65	glucagon (rdna) .....	15
FUZEON SOLR .....	29	GARDASIL 9 SUSY .....	65	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....	16
FYCOMPA TABS 2 MG .....	10	gatifloxacin (ophth) .....	57	glyburide TABS .....	16
FYCOMPA TABS 4 MG .....	10	gefitinib .....	24	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....	14
FYCOMPA TABS 6 MG .....	10	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	23	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....	14
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	10	gemfibrozil TABS .....	18	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46
gabapentin CAPS .....	11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....	62
gabapentin SOLN .....	11	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycopyrrolate TABS 1 MG .....	62
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 11		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate TABS 2 MG .....	62
GALAFOLD .....	44	gentamicin sulfate (topical) CREA .37		GLYXAMBI .....	14
galantamine hydrobromide CP24 ..	60	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	GNP PRENATAL TABS .....	55
galantamine hydrobromide SOLN ..	60	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....	42
galantamine hydrobromide TABS ..	60	GENVOYA .....	29	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	16
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 59		GILOTRIF .....	24	granisetron hcl TABS .....	16
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	58	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 60		GRASTEK SUBL .....	2
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML .....	58	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 60		griseofulvin microsize SUSP .....	17
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	59	GLEOSTINE 10 MG .....	22	griseofulvin microsize TABS .....	17
GAMMAKED 1 GM/10ML .....	59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....	22	griseofulvin ultramicrosize .....	17
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	59	glimepiride 1 MG, 2 MG .....	16	guanfacine hcl (adhd) .....	1
		glimepiride 4 MG .....	16	guanfacine hcl .....	19
		glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....	16	GYNAZOLE-1 .....	66

HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	.....3	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER	2.5 %	.....40	
HADLIMA SOSY	.....3	PNKT	.....3	hydrocortisone acetate (rectal)	.....7
HAEGARDA SOLR SC	.....47	HUMIRA PSKT	.....3	hydrocortisone butyrate CREA	.... 40
HALAVEN	.....27	HUMULIN R U-500		hydrocortisone butyrate OINT	..... 40
halcinonide CREA	.....40	(CONCENTRATED) SOLN SC	....15	hydrocortisone butyrate SOLN	.... 40
halobetasol propionate CREA	.... 40	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocortisone TABS	..... 35
halobetasol propionate OINT	.... 40	SC	.....15	hydrocortisone vaginal	..... 66
HALOG OINT	.....40	HYCAMTIN CAPS	.....27	hydrocortisone valerate CREA	.... 40
haloperidol decanoate	.....28	hydralazine hcl SOLN	.....20	hydrocortisone valerate OINT	.... 40
haloperidol lactate CONC	.....28	hydralazine hcl TABS	.....20	hydrocortisone w/acetic acid	.....58
haloperidol lactate SOLN	.....28	hydrochlorothiazide CAPS	.....43	hydromorphone hcl LIQD	..... 5
haloperidol TABS	.....28	hydrochlorothiazide TABS	.....43	hydromorphone hcl SOLN IJ 10	
HAVRIX	.....65	hydrocodone polistirex-		MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML	..
HEALON PRO SOSY	.....58	chlorpheniramine polistirex SUER	.36	5	
HEMANGEOL SOLN OR	.....31	hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl TABS	.....5
heparin sodium (porcine) SOLN IJ		108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217		hydromorphone hcl TB24 32 MG	... 5
5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		MG/10ML-5 MG/10ML, 325		8 MG, 12	
20000 UNIT/ML	.....10	MG/15ML-7.5 MG/15ML	.....6	MG	.....5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45%		hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxychloroquine sulfate 200 MG	
SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300		22	
10		MG-7.5 MG	.....6	hydroxyurea	.....26
HEPLISAV-B SOSY	.....65	hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML	.. 8
HIBERIX SOLR IJ	.....63	325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325		hydroxyzine hcl SYRP	..... 8
HUMATROPE CART IJ	.....44	MG-7.5 MG	.....6	hydroxyzine hcl TABS	.....8
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200		hydroxyzine pamoate CAPS	..... 8
DISEASE STARTER PACK PSKT 80		MG, 5 MG-200 MG	.....6	HYPERSAL NEBU	.....36
MG/0.8ML	.....3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200		HYQVIA	..... 59
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	.3	MG	.....6	ibandronate sodium SOLN	..... 43
HUMIRA PEN PNKT	.....3	hydrocortisone (intrarectal)	.....7	ibandronate sodium TABS	.....43
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER		hydrocortisone (rectal) EX	.....7	IBRANCE CAPS	.....25
PNKT	.....3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %,		IBRANCE TABS	..... 25
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC		2.5 %	.....40		
STARTER PACK PNKT	.....3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %	..		
		40			
		hydrocortisone (topical) OINT 1 %,			

ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....	4	INGREZZA CPPK .....	60	MG/5ML .....	27
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG .....	4	INLYTA .....	23	irrigation solutions, physiological ..	54
icatibant acetate SOLN .....	47	INREBIC .....	25	ISENTRESS CHEW .....	30
icatibant acetate SOSY .....	47	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN ..	15	ISENTRESS HD TABS .....	29
ICLUSIG .....	25	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 15		ISENTRESS TABS .....	30
icosapent ethyl 1 GM .....	18	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN .....	15	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	53
idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	25	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP .....	15	ISOLYTE-S .....	53
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	25	INSULIN ASPART SOLN IJ .....	15	isoniazid SOLN .....	22
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....	22	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....	15	isoniazid SYRP .....	22
ifosfamide SOLR .....	23	INSULIN DEGLUDEC SOLN .....	15	isoniazid TABS .....	22
imatinib mesylate .....	25	INTELENCE 25 MG .....	29	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	7
IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	25	INTRAROSA .....	66	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 32	
IMBRUVICA CAPS 70 MG .....	25	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	26	isosorbide mononitrate TABS .....	7
IMBRUVICA SUSP .....	25	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	53	isosorbide mononitrate TB24 .....	7
IMBRUVICA TABS .....	25	IOPIDINE .....	57	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	37
imipenem-cilastatin IV .....	21	IPOL INACTIVATED IPV .....	65	isradipine CAPS .....	32
imipramine hcl TABS .....	14	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56		itraconazole CAPS .....	17
imipramine pamoate .....	14	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56		itraconazole SOLN .....	17
imiquimod 5 % .....	41	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	8	ivermectin (pediculicide) .....	41
IMPAVIDO .....	20	ipratropium-albuterol SOLN .....	9	ivermectin .....	7
INCRELEX .....	44	irbesartan .....	19	IXEMPRA KIT 15 MG .....	27
INCRUSE ELLIPTA .....	8	irbesartan-hydrochlorothiazide ...	20	JAKAFI .....	25
indapamide TABS 1.25 MG .....	43	IRESSA (gefitinib) .....	24	JANUMET TABS .....	14
indapamide TABS 2.5 MG .....	43	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	14
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4			JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	14
indomethacin CPCPR .....	4			JANUVIA .....	15
INFANRIX .....	62			JARDIANCE .....	16
INFLECTRA SOLR .....	46				
INGREZZA CAPS .....	60				

JEVTANA .....	27	KIMONO PLUS	lacosamide TABS .....	11
JULUCA .....	30	SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	lactated ringer's (irrigation) .....	54
KALYDECO TABS .....	61	50	lactated ringer's .....	53
KAMELEON LUBRICATED MISC .....	50	KIMONO PS LUBRICATED MISC .....	50	lactic acid (ammonium lactate) CREA
KANJINTI .....	23	KIMONO PS PLUS	.....	41
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9%		SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	lactic acid (ammonium lactate) LOTN	
(potassium chloride in dextrose &		50	12 % .....	41
sodium chloride) .....	53	KIMONO SENSATION	lactulose (encephalopathy) .....	46
KEPIVANCE 6.25 MG .....	27	LUBRICATED MISC .....	50	lactulose SOLN .....
KESIMPTA .....	60	KIMONO SENSATION PLUS	lactulose SOLN .....	49
ketoconazole (topical) CREA .....	37	SPERMICIDE LUBRICATED MISC	lamivudine (hbv) TABS .....	30
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .....	37	50	lamivudine SOLN .....	30
ketoconazole .....	17	KIMONO SPECIAL DEVI .....	50	lamivudine TABS 150 MG .....
KETONE STRP .....	42	KINRIX SUSY .....	62	lamivudine TABS 300 MG .....
KETONE TEST STRIPS STRP .....	42	KISQALI .....	25	lamivudine-zidovudine .....
ketoprofen CAPS 50 MG .....	4	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	25	lamotrigine CHEW 25 MG .....
ketorolac tromethamine (ophth) ...	58	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	25	lamotrigine CHEW 5 MG .....
ketorolac tromethamine TABS .....	4	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	25	lamotrigine TABS .....
KETOSTIX STRP .....	42	KLARITY-A .....	57	lamotrigine TBPDP .....
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		KOSELUGO .....	25	LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....
58		KP PRENATAL MULTIVITAMINS	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KEVZARA SOAJ .....	3	TABS .....	55	MCG, 250 MCG (digoxin) .....
KEVZARA SOSY .....	3	KRINTAFEL .....	22	lansoprazole CPDR 15 MG .....
KIMONO COLORS DEVI .....	50	K-Y ME & YOU EXTRA	lansoprazole CPDR 30 MG .....	63
KIMONO LUBRICATED MISC .....	50	LUBRICATED DEVI .....	50	lanthanum carbonate CHEW .....
KIMONO MAXX/LARGE FLARE		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50	46
MISC .....	50	KYLEENA .....	35	lapatinib ditosylate .....
KIMONO MICRO THIN PLUS		KYPROLIS .....	25	26
SPERMICIDE LUBRICATED MISC		labetalol hcl SOLN .....	31	LASTACAFT .....
50		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	31	58
KIMONO PLUS SPERMICIDE		labetalol hcl TABS 300 MG .....	31	latanoprost SOLN .....
LUBRICATED MISC .....	50	lacosamide SOLN OR .....	11	58
				leflunomide .....
				4
				lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,
				15 MG, 25 MG .....
				54
				lenalidomide 20 MG .....
				54

LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...23	levofloxacin (ophth) 0.5 % ..... 57	LINZESS ..... 46
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ... 23	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML ..... 45	liothyronine sodium SOLN .....62
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...23	levofloxacin SOLN OR .....45	liothyronine sodium TABS ..... 62
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..23	levofloxacin TABS .....45	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 34	lisinopril & hydrochlorothiazide ...20
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG ..... 35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG ..... 19
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE .....23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) .....34	lithium ..... 28
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE .....23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG ..... 34	lithium carbonate CAPS ..... 28
letrozole ..... 24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) ..... 34	lithium carbonate TABS .....28
leucovorin calcium SOLR .....27	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34	lithium carbonate TBCR ..... 28
leucovorin calcium TABS .....27	levorphanol tartrate TABS 2 MG ....5	LO LOESTRIN FE TABS ..... 34
LEUKERAN .....23	levothyroxine sodium TABS ..... 62	LOKELMA .....54
LEUKINE SOLR IJ .....48	LEXIVA SUSP ..... 30	loperamide hcl CAPS ..... 16
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....24	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % .....49	lopinavir-ritonavir SOLN ..... 30
levabuterol hcl .....9	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...54	lopinavir-ritonavir TABS .....30
levabuterol tartrate .....9	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...54	loratadine CAPS ..... 18
LEVEMIR FLEXPEN SOPN ..... 15	lidocaine hcl GEL 2 % ..... 41	loratadine CHEW .....18
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ....15	lidocaine hcl PRSY .....41	loratadine SOLN ..... 18
LEVEMIR SOLN ..... 15	lidocaine hcl SOLN .....41	loratadine TABS .....18
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 11	lidocaine PTCH 5 % ..... 41	loratadine TBDP ..... 18
levetiracetam TABS 1000 MG ..... 11	lidocaine-prilocaine CREA .....41	lorazepam CONC ..... 8
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG ..... 11	LILETTA 20.1 MCG/DAY ..... 35	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG .... 8
levetiracetam TABS 500 MG ..... 11	lincomycin hcl ..... 21	lorazepam TABS 1 MG .....8
levetiracetam TB24 ..... 11	linezolid SUSR .....21	LORBRENA .....26
levobunolol hcl 0.5 % .....57	linezolid TABS ..... 21	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG ..... 20
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20
levocetirizine dihydrochloride TABS 18		losartan potassium ..... 19



LOTEMAX OINT .....	57	MARPLAN .....	13	MENOSTAR PTWK .....	45
loteprednol etabonate GEL .....	57	MASONATAL TABS .....	55	MENQUADFI .....	63
loteprednol etabonate SUSP .....	57	MATULANE .....	26	MENVEO SOLR .....	63
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	18	MAXIDEX SUSP OP .....	57	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5
lovastatin TABS 40 MG .....	18	MAXX LUBRICATED MISC .....	50	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5
loxapine succinate .....	28	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	50	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5
lubiprostone .....	45	meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17		meprobamate .....	8
LUCEMYRA .....	59	meclofenamate sodium CAPS .....	4	mercaptopurine TABS .....	23
luliconazole .....	37	MEDROL TABS .....	35	meropenem .....	21
LUMIZYME .....	44	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	35	mesalamine CP24 .....	46
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM .....	24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	35	mesalamine CPDR .....	46
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM .....	24	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG .....	59	mesalamine ENEM .....	46
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine SUPP .....	46
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	mefloquine hcl .....	22	mesalamine TBEC 1.2 GM .....	46
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44		megestrol acetate (appetite) .....	59	mesalamine TBEC 800 MG .....	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG .....	44	megestrol acetate SUSP .....	24	metaxalone 800 MG .....	56
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG .....	44	megestrol acetate TABS .....	24	metformin hcl TABS 1000 MG .....	15
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG .....	28	MEKINIST SOLR .....	26	metformin hcl TABS 500 MG .....	15
lurasidone hcl 80 MG .....	28	MEKINIST TABS 0.5 MG .....	26	metformin hcl TABS 850 MG .....	15
LYNPARZA TABS .....	26	MEKINIST TABS 2 MG .....	26	metformin hcl TB24 500 MG .....	15
LYSODREN .....	24	MEKTOVI .....	26	metformin hcl TB24 750 MG .....	15
mafenide acetate PACK .....	39	meloxicam TABS .....	4	methadone hcl CONC .....	5
magnesium sulfate IJ 50 % .....	53	melphalan .....	23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	5
malathion .....	41	melphalan hcl .....	23	METHADONE HCL SOLN IJ .....	5
maraviroc TABS 150 MG .....	30	memantine hcl TABS .....	60	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML .....	5
maraviroc TABS 300 MG .....	30	MENACTRA .....	63	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5	
		MENEST .....	45	methadone hcl TABS 10 MG .....	5

methadone hcl TABS 5 MG	5	20 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	41
methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole TABS	20
methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	metronidazole vaginal	66
methazolamide TABS	42	methylphenidate PTCH	2	mexiletine hcl	8
methenamine hippurate	21	methylprednisolone acetate SUSP	35	micafungin sodium	17
methimazole TABS	62	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	66
METHITEST TABS	7	methylprednisolone TABS	35	midodrine hcl	67
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	56	methylprednisolone TBPk	35	miglitol	14
METHOTREXATE	3	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	45	miglustat	47
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	23	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	45	minocycline hcl CAPS	61
methotrexate sodium SOLR	23	metoclopramide hcl TABS	45	minocycline hcl TABS	61
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23		metolazone	43	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	20
methoxsalen rapid	38	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	48
methscopolamine bromide	62	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20	MIRENA	35
methsuximide	12	metoprolol succinate TB24 200 MG 31		mirtazapine TABS 15 MG	12
methyldopa TABS	19	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mirtazapine TABS 30 MG	12
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	31	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	12
methylphenidate hcl CP24 30 MG	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mirtazapine TABS 15 MG	12
methylphenidate hcl CP24	2	metronidazole (topical) CREA	41	mirtazapine TBPk 15 MG	12
methylphenidate hcl CPCR	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41		mirtazapine TBPk 30 MG	12
methylphenidate hcl SOLN	2	metronidazole (topical) GEL 1 %	41	mirtazapine TBPk 45 MG	12
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	41	misoprostol	63
methylphenidate hcl TABS 5 MG	2	metronidazole TABS	20	mitomycin SOLR IV 20 MG	25
methylphenidate hcl TB24 27 MG	2	metronidazole vaginal	66	mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	mexiletine hcl	8	M-M-R II SOLR	66
methylphenidate hcl TBCR 10 MG,		micafungin sodium	17	M-NATAL PLUS TABS	55
		miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	66	modafinil 100 MG	2
		midodrine hcl	67	modafinil 200 MG	2
		miglitol	14		
		miglustat	47		
		minocycline hcl CAPS	61		
		minocycline hcl TABS	61		
		minoxidil 2.5 MG, 10 MG	20		
		MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	48		
		MIRENA	35		
		mirtazapine TABS 15 MG	12		
		mirtazapine TABS 30 MG	12		
		mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	12		
		mirtazapine TBPk 15 MG	12		
		mirtazapine TBPk 30 MG	12		
		mirtazapine TBPk 45 MG	12		
		misoprostol	63		
		mitomycin SOLR IV 20 MG	25		
		mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25		
		M-M-R II SOLR	66		
		M-NATAL PLUS TABS	55		
		modafinil 100 MG	2		
		modafinil 200 MG	2		

MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....	66	moxifloxacin hcl TABS .....	45	NATAZIA .....	34
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 66		MOZOBIL (plerixafor) .....	48	nateglinide .....	16
MODERNA COVID-19 VACCINE6- 11Y SUSP .....	66	MULPLETA .....	48	NAYZILAM .....	11
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....	66	MULTI PRENATAL TABS .....	55	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31	
moexipril hcl .....	19	mupirocin OINT .....	37	nebivolol hcl 20 MG .....	31
mometasone furoate (nasal) SUSP 56		MVASI .....	23	NEBUSAL NEBU .....	36
mometasone furoate CREA .....	40	MYALEPT .....	44	nefazodone hcl .....	13
mometasone furoate OINT .....	40	mycophenolate mofetil CAPS .....	54	nelarabine .....	23
mometasone furoate SOLN .....	40	mycophenolate mofetil TABS .....	54	neomycin sulfate TABS .....	2
montelukast sodium CHEW .....	9	mycophenolate sodium .....	54	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 57	
montelukast sodium PACK .....	9	MYLERAN TABS .....	23	neomycin-polymy-dexameth OINT 57	
montelukast sodium TABS .....	9	nabumetone .....	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP 57	
morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5		nadolol TABS 20 MG .....	31	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ... 57	
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....	5	nadolol TABS 40 MG .....	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 58	
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML .....	5	nadolol TABS 80 MG .....	31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 58	
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML .....	5	naftifine hcl CREA 1 % .....	37	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....	55
morphine sulfate TABS .....	5	naftifine hcl CREA 2 % .....	37	NEONATAL PLUS TABS .....	55
morphine sulfate TBCR .....	5	NAGLAZYME .....	44	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS .....	55
MOTOFEN .....	16	nalbuphine hcl .....	7	NEONATAL VITAMIN TABS .....	55
MOVANTIK .....	46	naloxone hcl LIQD .....	16	neostigmine methylsulfate SOSY . 22	
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 57		naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML .....	16	NEO-SYNALAR .....	37
moxifloxacin hcl in sodium chloride 45		naltrexone hcl .....	16	NEUPRO .....	27
		naproxen sodium TABS 550 MG ... 4		NEVANAC .....	58
		naproxen SUSP .....	4	nevirapine SUSP .....	30
		naproxen TABS .....	4		
		naproxen TBEC 500 MG .....	4		
		naratriptan hcl .....	52		
		NATACYN .....	57		

nevirapine TABS .....	30	NINLARO .....	26	norethindrone (contraceptive) .....	35
nevirapine TB24 100 MG .....	30	NIPENT .....	27	norethindrone acet & eth estra .....	34
nevirapine TB24 400 MG .....	30	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG .....	32	norethindrone acetate TABS .....	59
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) .....	63	nitazoxanide TABS .....	21	norethindrone acetate-ethinyl estradiol .....	45
NEXPLANON .....	35	nitisinone CAPS .....	44	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe .....	34
NEXTSTELLIS .....	34	NITRO-BID OINT .....	7	norethindrone-eth estradiol (triphasic) .....	34
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin .....	21	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) .....	34
niacin CPCR 250 MG, 500 MG ....	67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG .....	21	norgestimate-ethinyl estradiol .....	34
niacin TABS .....	67	nitrofurantoin monohyd macro ....	21	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG .....	34
niacin TBCR .....	67	nitroglycerin (intra-anal) .....	7	NORMOSOL-M/D5W .....	53
NIACIN TR TBCR .....	67	nitroglycerin CPCR .....	7	NORMOSOL-R .....	53
niacinamide TABS .....	67	nitroglycerin PT24 .....	7	nortriptyline hcl CAPS .....	14
nicardipine hcl CAPS .....	32	NITROGLYCERIN SOLN IV .....	7	nortriptyline hcl SOLN .....	14
nicardipine hcl SOLN .....	32	nitroglycerin SUBL .....	8	NORVIR PACK .....	30
nicotine MISC XX .....	61	NIVA-PLUS TABS .....	55	NORVIR SOLN .....	30
nicotine polacrilex GUM .....	61	nizatidine CAPS .....	62	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS .....	42
nicotine polacrilex LOZG .....	61	nizatidine SOLN .....	62	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 15	
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR .....	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML .....	44	NOVOLIN 70/30 SUSP .....	15
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT .....	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML .....	44	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	15
NICOTROL INHALER INHA .....	61	norelgestromin-ethinyl estradiol ..	34	NOVOLIN N SUSP .....	15
NICOTROL NS SOLN .....	61	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nifedipine CAPS 10 MG .....	32	norethin acet & estrad-fe CHEW ..	34	NOVOLIN R SOLN IJ .....	16
nifedipine CAPS 20 MG .....	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG .....	34	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	17
nifedipine TB24 60 MG .....	32	norethindrone & eth estradiol .....	34	NP THYROID 120 TABS .....	62
nifedipine TB24 90 MG .....	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 34		NP THYROID 15 TABS .....	62
nifedipine TB24 .....	32			NP THYROID 30 TABS .....	62
nilutamide .....	24				
nimodipine CAPS .....	32				

NP THYROID 60 TABS .....	62	olanzapine TBDP 20 MG .....	28	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE .....	51
NP THYROID 90 TABS .....	62	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	28	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G .....	51
NUBEQA .....	24	olmesartan medoxomil .....	19	OPILL .....	35
NUCALA SOAJ .....	8	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide .....	20	OPSUMIT .....	33
NUCALA SOLR .....	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	20	ORENITRAM TBCR .....	32
NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	8	olopatadine hcl (nasal) .....	56	ORILISSA .....	43
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	8	olopatadine hcl 0.1 % .....	58	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG .....	61
NUCYNTA ER TB12 .....	5	olopatadine hcl 0.2 % .....	58	ORKAMBI TABS .....	61
NUCYNTA TABS .....	5	omega-3-acid ethyl esters .....	18	ORLADEYO .....	47
NUEDEXTA .....	60	omeprazole CPDR .....	63	orphenadrine citrate TB12 .....	56
NULOJIX .....	54	omeprazole magnesium CPDR ...	63	oseltamivir phosphate CAPS .....	31
nystatin (mouth-throat) .....	54	omeprazole TBEC .....	63	oseltamivir phosphate SUSR .....	31
nystatin (topical) CREA .....	37	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	63	OSMOPREP .....	49
nystatin (topical) OINT .....	37	OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	50	OSPHENA .....	44
nystatin (topical) POWD EX .....	38	ONCASPAR .....	26	OTEZLA TABS .....	4
nystatin TABS .....	17	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 16		OTEZLA TBPK .....	4
nystatin-triamcinolone CREA .....	38	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	16	oxacillin sodium IV 10 GM .....	59
nystatin-triamcinolone OINT .....	38	ondansetron hcl SOSY .....	16	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....	23
octreotide acetate SOLN .....	44	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	16	oxandrolone .....	7
ODEFSEY .....	30	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	16	oxaprozin TABS .....	4
ODOMZO .....	24	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	16	oxazepam CAPS .....	8
OFEV .....	61	ondansetron TBDP 4 MG .....	16	OXBRYTA TABS 500 MG .....	47
ofloxacin (ophth) .....	57	ondansetron TBDP 8 MG .....	16	oxcarbazepine SUSP .....	11
ofloxacin (otic) .....	58	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	11
ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	45	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	55	oxiconazole nitrate CREA .....	38
OGIVRI .....	23			OXISTAT LOTN .....	38
olanzapine SOLR .....	28				
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28				
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	28				

oxybutynin chloride SOLN .....	63	23	
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	63	penciclovir .....	39
oxybutynin chloride TB24 .....	63	penicillamine CAPS .....	54
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	5	penicillamine TABS .....	54
oxycodone hcl TABS .....	5	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59	
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....	59
oxymorphone hcl TABS .....	5	PENICILLIN G PROCAINE .....	59
oxymorphone hcl TB12 40 MG .....	5	penicillin g sodium .....	59
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	5	penicillin v potassium SOLR .....	59
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	15	penicillin v potassium TABS .....	59
OZEMPIC SOPN .....	15	PENTACEL .....	62
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	27	pentazocine w/ naloxone hcl .....	7
paclitaxel protein-bound particles	27	pentoxifylline .....	47
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	28	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	19
paliperidone 6 MG .....	28	perindopril erbumine 4 MG .....	19
palonosetron hcl SOLN .....	17	PERJETA .....	23
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....	43	permethrin CREA .....	41
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43		permethrin LIQD EX .....	41
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT .....	42	perphenazine TABS .....	29
PANRETIN .....	38	perphenazine-amitriptyline .....	60
pantoprazole sodium TBEC 20 MG		PERSERIS PRSY .....	28
pantoprazole sodium TBEC 40 MG	63	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP .....	66
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A .....	35	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP .....	66
paricalcitol CAPS .....	44	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 66	
paricalcitol SOLN .....	44	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	66
paroxetine hcl SUSP .....	13		
paroxetine hcl TABS 10 MG .....	13		
paroxetine hcl TABS 20 MG .....	13		
paroxetine hcl TABS 30 MG .....	13		
paroxetine hcl TABS 40 MG .....	13		
paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	13		
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....	13		
PASER PACK .....	22		
pazopanib hcl .....	26		
PEDIARIX SUSY .....	62		
pediatric multivitamins w/fl CHEW	55		
PEDVAX HIB SUSP .....	63		
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....	49		
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....	49		
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....	49		
PEGASYS SOLN .....	30		
PEGASYS SOSY .....	30		
PEMAZYRE .....	26		
pemetrexed disodium SOLR 500 MG			

PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....	66	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 14	potassium chloride CPCR .....	53
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66	piperacillin sodium-tazobactam sodium .....	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 % , 5 %-0.15 %-0.9 % , 5 %-10 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.2 % , 5 %-20 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.9 % , 5 %-30 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	53
PHEBURANE PLLT .....	44	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG .....	46	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	
phendimetrazine tartrate TABS .....	1	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	
phenelzine sulfate .....	13	pirfenidone CAPS .....	61	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L .....
phenobarbital ELIX .....	48	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	61	53
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG .....	48	pirfenidone TABS 534 MG .....	61	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 % , 20 MEQ/L-0.9 % , 40 MEQ/L-0.9 % .....
phenoxybenzamine hcl .....	19	piroxicam CAPS .....	4	53
phentermine hcl CAPS .....	1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	53	potassium chloride microencapsulated crystals er ....
phenytoin CHEW .....	12	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148) .....	53	53
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	12	PLEGRIDY SOPN .....	60	potassium chloride PACK OR 20 MEQ .....
phenytoin sodium SOLN .....	12	PLEGRIDY SOSY SC .....	60	53
phenytoin SUSP .....	12	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN .	60	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53
PHEXXI .....	67	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN .	60	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML .....
PHOSLYRA SOLN .....	46	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....	60	53
PHOTOFRIN .....	27	plerixafor .....	48	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ .....
PIFELTRO .....	30	PNEUMOVAX 23 .....	63	53
pilocarpine hcl (oral) .....	55	PNEUMOVAX 23/1 DOSE .....	63	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS .....
pilocarpine hcl SOLN 1 % , 2 % , 4 % .	57	podofilox SOLN .....	41	53
pimecrolimus .....	41	polymyxin b sulfate SOLR .....	21	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) .....
pimozide .....	61	polymyxin b-trimethoprim .....	57	53
pindolol TABS .....	31	POMALYST .....	24	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG .....
pioglitazone hcl .....	16	posaconazole SUSP .....	17	46
pioglitazone hcl-glimepiride .....	14	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .	53	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML .....
		53		53
		potassium bicarbonate TBEF .....	53	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....
				37

pralatrexate 20 MG/ML .....	23	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	11	PREVNAR 20 .....	63
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	27	pregabalin SOLN .....	11	PREZCOBIX .....	30
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	28	PREHEVBRIO .....	66	PREZISTA SUSP .....	30
prasugrel hcl .....	47	PREMARIN .....	67	PREZISTA TABS (darunavir) .....	30
pravastatin sodium .....	18	PREMARIN SOLR .....	45	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30
praziquantel .....	7	PREMARIN TABS .....	45	PRIFTIN .....	22
prazosin hcl CAPS .....	19	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC .....	50	primaquine phosphate TABS .....	22
PRECISION XTRA .....	42	PREMPHASE .....	45	primidone 50 MG, 250 MG .....	11
PRED MILD .....	58	PREMPRO .....	45	PRIORIX SUSR .....	66
PRED-G SUSP .....	58	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55		PROAIR DIGIHALER .....	9
prednicarbate OINT .....	40	PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	PROAIR RESPICLICK AEPB .....	9
prednisolone acetate (ophth) .....	58	PRENATAL PLUS TABS .....	55	probenecid .....	47
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	58	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35		PRENATAL TABS .....	55	prochlorperazine .....	29
prednisolone sodium phosphate TBDP .....	35	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS .....	55	prochlorperazine maleate TABS ...	29
prednisolone SOLN .....	35	PRENATAL VITAMIN TABS .....	55	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	48
prednisolone TABS .....	35	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	48
prednisone SOLN .....	35	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	55	progesterone CAPS .....	59
prednisone TABS .....	35	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT .....	55	PROGRAF PACK .....	54
prednisone TBPk .....	35	PRENATRIX TABS .....	55	PROGRAF SOLN .....	54
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	60	PRENATRYL TABS .....	55	PROLASTIN-C SOLN .....	61
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	60	PREPLUS TABS .....	55	PROLEUKIN .....	27
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 11		PREVNAR 13 .....	63	PROLIA SOSY .....	43
				promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML .....	18
				promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	18
				promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
				promethazine hcl TABS .....	18



propafenone hcl CP12 .....	8	150 MG, 200 MG .....	29	REBIF SOSY .....	60
propafenone hcl TABS .....	8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	19	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60
propracaine hcl .....	57	quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	19	RECOMBIVAX HB SUSP .....	66
propranolol hcl CP24 .....	31	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5		RECOMBIVAX HB SUSY .....	66
propranolol hcl SOLN OR 20		MG-10 MG .....	20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	. 7
MG/5ML, 40 MG/5ML .....	31	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5		REGRANEX .....	41
propranolol hcl TABS .....	31	MG-20 MG .....	20	RELENZA DISKHALER .....	31
propylthiouracil .....	62	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-		RELEXXII TBCR 27 MG .....	2
protriptyline hcl .....	14	20 MG .....	20	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2
PROVISC SOSY .....	58	quinidine sulfate TABS .....	8	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES	
PTS PANELS KETONE TEST ....	42	quinine sulfate CAPS 324 MG ....	22	30G .....	51
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	QUZYTIR SOLN IV .....	18	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE	
PULMOZYME .....	61	QVAR REDIHALER .....	9	25G .....	51
PX PRENATAL MULTIVITAMINS		RA PRENATAL		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE	
TABS .....	55	FORMULA/FOLICACID TABS ....	55	30G .....	51
pyrazinamide .....	22	RA PRENATAL TABS .....	55	RELION KETONE TEST STRIPS	
pyridostigmine bromide SOLN OR	22	rabeprazole sodium TBEC .....	63	STRP .....	42
pyridostigmine bromide TABS 60 MG		raloxifene hcl .....	44	RELION TRUE METRIX	
.....	22	ramelteon .....	49	BLOODGLUCOSE TEST STRIPS	
pyridostigmine bromide TBCR ....	22	ramipril CAPS .....	19	STRP .....	42
pyrimethamine .....	22	ranitidine hcl TABS 150 MG .....	62	RENFLEXIS .....	46
QC PRENATAL TABS .....	55	ranolazine TB12 1000 MG .....	7	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	16
QINLOCK .....	26	ranolazine TB12 500 MG .....	7	repaglinide 2 MG .....	16
QUADRACEL SUSP .....	62	rasagiline mesylate .....	28	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM	
QUADRACEL SUSY .....	62	REALITY LATEX		SOCT .....	19
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50		CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50	REPATHA SOSY .....	19
MG, 100 MG, 200 MG .....	29	REALITY LATEX/ULTRA		REPATHA SURECLICK SOAJ ....	19
quetiapine fumarate TABS 300 MG,		TEXTURED DEVI .....	50	RETACRIT .....	48
400 MG .....	29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI		RETEVMO .....	26
quetiapine fumarate TB24 300 MG,		50		RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30
400 MG .....	29	REBIF REBIDOSE SOAJ .....	60	REXULTI .....	29
quetiapine fumarate TB24 50 MG,		REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK		ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	30
.....		SOAJ .....	60		

ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 30	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	selegiline hcl CAPS	28
RIDAURA	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	selegiline hcl TABS	28
rifabutin	rosuvastatin calcium TABS	selenium sulfide LOTN 2.5 %	39
rifampin CAPS	ROTARIX SUSP	SELZENTRY SOLN	30
rifampin SOLR	ROTARIX SUSR	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	
riluzole TABS	ROTATEQ SOLN	SEREVENT DISKUS	9
rimantadine hydrochloride TABS	ROZLYTREK CAPS	sertraline hcl CONC	13
ringer's	RUBRACA	sertraline hcl TABS 100 MG	13
ringer's irrigation	rufinamide SUSP	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 13	
RINVOQ	rufinamide TABS 200 MG	sevelamer carbonate PACK	46
risedronate sodium TABS 150 MG	rufinamide TABS 400 MG	sevelamer carbonate TABS	46
risedronate sodium TABS 35 MG	RUKOBIA	SHINGRIX	66
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	RUXIENCE	SIGNIFOR	45
risedronate sodium TBEC	RYBELSUS TABS	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	salsalate	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33
risperidone microspheres	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33
risperidone SOLN	SANTYL OINT	sildenafil citrate	32
risperidone TABS	sapropterin dihydrochloride PACK	silodosin	46
risperidone TBDP	sapropterin dihydrochloride TABS	silver sulfadiazine	39
ritonavir TABS	SAVELLA TABS	SIMPONI ARIA SOLN	3
rivastigmine tartrate CAPS	SAVELLA TITRATION PACK MISC 60	SIMULECT	54
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	saxagliptin hcl	simvastatin TABS	18
rizatriptan benzoate TABS 5 MG	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	sirolimus TABS	54
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	SIRTURO	22
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	scopolamine	SIVEXTRO TABS	21
roflumilast	SELECT INSULIN SYRINGES	SKYLA	35
romidepsin SOLR	SELECT LANCETS	SKYRIZI PEN SOAJ	38
ropinirole hydrochloride TABS			

SKYRIZI PSKT .....	38	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 44	STELARA SOSY 90 MG/ML .....	38
SKYRIZI SOCT .....	46	sorafenib tosylate .....	STENDRA .....	32
SKYRIZI SOSY .....	38	SORBITOL 3 % .....	STIMATE SOLN NA .....	44
SLYND .....	35	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION .....	STIOLTO RESPIMAT .....	9
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	55	sotalol hcl (afib/af) .....	STIVARGA .....	26
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) .....	52	sotalol hcl TABS 240 MG .....	streptomycin sulfate SOLR .....	2
sodium acetate SOLN .....	52	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG .....	STRIBILD .....	30
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46	SOVALDI TABS 200 MG .....	STRIVERDI RESPIMAT .....	9
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % .....	36	SOVALDI TABS 400 MG .....	SUBSYS LIQD 100 MCG .....	6
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % .....	53	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG .....	6
sodium citrate & citric acid .....	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG .....	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG .....	53	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY .....	sucralfate SUSP .....	63
sodium phenylbutyrate POWD ....	44	spinosad .....	sucralfate TABS .....	63
sodium phenylbutyrate TABS .....	44	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) .	sulconazole nitrate CREA .....	38
sodium polystyrene sulfonate POWD 54	54	SPIRIVA RESPIMAT AERS .....	sulconazole nitrate SOLN .....	38
sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML .....	54	spironolactone & hydrochlorothiazide .....	sulfacetamide sodium (acne) .....	37
sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate .....	49	SPRIVATO 56MG DOSE .....	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57	57
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS .....	30	SPRIVATO 84MG DOSE .....	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 % .....	37
solifenacin succinate TABS .....	63	SPRYCEL .....	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....	37
SOLQUA 100/33 .....	14	stannous fluoride CONC .....	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....	37
SOLOSEC .....	2	stavudine CAPS .....	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 % .....	37
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG .....	35	STELARA 130 MG/26ML .....	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN .....	58
SOLU-CORTEF 250 MG .....	35	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	sulfadiazine TABS .....	61
SOLU-MEDROL 2 GM .....	35	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....	20

sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP .....21	tacrolimus CAPS .....54	TEMODAR SOLR .....23
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS .....21	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS .....33	temozolomide CAPS .....23
SULFAMYLON CREA .....39	tadalafil 5 MG .....32	temsirolimus .....26
sulfasalazine TABS .....46	TAFINLAR CAPS .....26	TENIVAC INJ .....62
sulfasalazine TBEC .....46	TAFINLAR TBSO .....26	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30
sulindac TABS .....4	tafluprost .....58	terazosin hcl .....19
sumatriptan .....52	TAGRISSO 40 MG .....24	terbinafine hcl TABS .....17
sumatriptan succinate SOAJ .....52	TAGRISSO 80 MG .....24	terbutaline sulfate SOLN .....9
sumatriptan succinate SOCT .....52	TAKHZYRO SOLN .....47	terbutaline sulfate TABS .....9
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....52	TAKHZYRO SOSY .....47	terconazole vaginal CREA .....66
sumatriptan succinate TABS .....52	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG .....26	terconazole vaginal SUPP .....66
sumatriptan-naproxen sodium ....52	tamoxifen citrate TABS .....24	teriflunomide .....60
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....26	tamsulosin hcl .....46	teriparatide (recombinant) SOPN ..43
SUNOSI 150 MG .....1	TASIGNA 150 MG, 200 MG .....26	TERIPARATIDE SOPN .....43
SUNOSI 75 MG .....1	TASIGNA 50 MG .....26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML .....7
SYNAREL .....44	tavaborole .....38	testosterone cypionate SOLN IM ...7
SYNERA PTCH .....41	tazarotene CREA .....38	testosterone enanthate SOLN IM ...7
SYNJARDY TABS .....15	TAZVERIK .....26	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP .....62
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....14	TDVAX SUSP .....62	tetrabenazine .....60
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....14	TEFLARO .....34	tetracycline hcl CAPS .....62
SYNRIBO .....27	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	THALOMID .....54
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium) .....62	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	theophylline ELIX .....10
TABLOID .....23	TEGSEDI .....61	theophylline SOLN .....10
TABRECTA .....26	telmisartan .....19	theophylline TB12 .....10
tacrolimus (topical) OINT .....41	telmisartan-amlodipine .....20	theophylline TB24 .....10
	telmisartan-hydrochlorothiazide ..20	THERANATAL CORE NUTRITION TABS .....55
	temazepam .....48	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin) .....47

THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin) .....	47	tolterodine tartrate CP24 .....	63	TRELEGY ELLIPTA .....	9
thioridazine hcl .....	29	tolterodine tartrate TABS .....	63	TRELSTAR MIXJECT .....	24
thiotepa 15 MG .....	23	tolvaptan TABS .....	45	TREMFYA SOPN .....	39
thiothixene .....	29	topiramate CPSP 15 MG .....	12	TREMFYA SOSY .....	39
THYMOGLOBULIN .....	54	topiramate CPSP 25 MG .....	12	treprostinil SOLN IJ .....	32
THYROGEN 0.9 MG .....	41	topiramate CS24 .....	12	tretinoin (chemotherapy) .....	27
tiagabine hcl .....	12	topiramate TABS 200 MG .....	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	37
TIBSOVO .....	26	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .....	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	37
tigecycline .....	61	topiramate TABS 50 MG .....	12	tretinoin microsphere 0.1 % .....	37
timolol maleate (ophth) SOLG .....	57	topotecan hcl SOLN .....	27	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	23
timolol maleate (ophth) SOLN .....	57	topotecan hcl SOLR .....	27	triamcinolone acetonide (mouth) .....	54
timolol maleate TABS .....	31	toremifene citrate .....	24	triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	56
tiopronin TBEC 100 MG .....	47	torsemide TABS .....	43	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	40
tiopronin TBEC 300 MG .....	47	TRACLEER TBSO .....	33	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	40
tiotropium bromide monohydrate CAPS .....	9	tramadol hcl TABS 50 MG .....	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	40
TIVICAY TABS .....	30	tramadol hcl TB24 .....	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	40
tizanidine hcl CAPS .....	56	tramadol-acetaminophen .....	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	40
tizanidine hcl TABS .....	56	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	19	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	40
tobramycin (ophth) SOLN .....	57	trandolapril 4 MG .....	19	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	40
tobramycin NEBU .....	2	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....	40
tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG .....	20	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % .....	41
tobramycin-dexamethasone SUSP 58		tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML .....	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % .....	41
TODAY SPONGE MISC .....	66	tranexamic acid TABS .....	48	triamcinolone acetonide (topical) SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	36
tolcapone .....	27	tranylcypromine sulfate .....	13	triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone .....	41
tolmetin sodium CAPS .....	4	travoprost SOLN .....	58		
tolmetin sodium TABS 600 MG .....	4	TRAZIMERA .....	23		
TOLSURA CAPS .....	17	trazodone hcl TABS .....	13		
		TRECATOR .....	22		

triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG .....	43	BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP 42	TUKYSA .....	23
triamterene & hydrochlorothiazide TABS .....	43	TRUETRACK TEST STRP .....	TURALIO .....	26
triamterene CAPS .....	43	TRULICITY .....	TUZISTRA XR .....	36
triazolam .....	48	TRUMENBA .....	TWINRIX SUSY .....	66
TRICARE TABS .....	56	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC .....	TWIRLA .....	34
trientine hcl 250 MG .....	54	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC .....	TYBLUME CHEW .....	34
trifluoperazine hcl TABS .....	29	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC .....	TYBOST .....	30
trifluridine .....	57	TRUSTEX LUBRICATED MISC .....	TYMLOS .....	43
trihexyphenidyl hcl SOLN .....	27	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC .....	TYVASO REFILL SOLN IN .....	32
trihexyphenidyl hcl TABS .....	27	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC .....	TYVASO SOLN IN .....	32
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	TYVASO STARTER SOLN IN .....	32
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	UBRELVY .....	52
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .	61	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC .....	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .	7
trimethobenzamide hcl CAPS .....	17	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	UDENYCA ONBODY SOSY .....	48
trimethoprim TABS .....	20	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	UDENYCA SOAJ .....	48
trimipramine maleate CAPS .....	14	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC .....	UDENYCA SOSY .....	48
TRINTELLIX .....	13	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDDED MISC .....	UPTRAVI TABS 200 MCG .....	33
TRIUMEQ TABS .....	30	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG .....	33
TRIZIVIR .....	30	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC .....	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 33	
tropicamide SOLN 0.5 % .....	57	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	ursodiol CAPS .....	45
tropicamide SOLN 1 % .....	57	TRUXIMA .....	ursodiol TABS .....	45
tropium chloride CP24 .....	63		UVADEX .....	27
tropium chloride TABS .....	63		valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	31
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	42		valacyclovir hcl 500 MG .....	31
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....	51		valganciclovir hcl TABS .....	30
TRUE METRIX SELF MONITORING			valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML .....	12
			valproic acid CAPS .....	12

valrubicin .....	25	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	32	water for irrigation, sterile .....	54
valsartan TABS .....	19	verapamil hcl TABS .....	32	WESTAB PLUS TABS .....	56
valsartan-hydrochlorothiazide .....	20	verapamil hcl TBCR .....	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....	51
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...	11	VEREGEN .....	37	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....	51
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11	VERZENIO .....	26	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....	51
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11	VICTOZA .....	15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....	51
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD .....	11	vigabatrin PACK .....	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....	51
vancomycin hcl CAPS .....	21	vigabatrin TABS .....	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....	51
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG .....	21	VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....	51
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	21	vilazodone hcl TABS .....	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....	51
VAQTA .....	66	vincristine sulfate .....	27	XALKORI CAPS .....	26
varenicline tartrate TABS .....	61	vinorelbine tartrate 10 MG/ML ...	27	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	
varenicline tartrate TBPK .....	61	VIRACEPT TABS 250 MG .....	30	XARELTO SUSR .....	10
VARIVAX INJ .....	66	VIRACEPT TABS 625 MG .....	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10
VARUBI TBPK .....	17	VIREAD POWD .....	30	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10
VAXNEUVANCE .....	64	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....	30	XELJANZ SOLN .....	2
VECAMYL .....	20	VISTOGARD .....	16	XELJANZ TABS 10 MG .....	2
VECTIBIX 100 MG/5ML .....	24	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....	67	XELJANZ TABS 5 MG .....	2
VELPHORO .....	46	VITATHELY/GINGER TABS .....	56	XELJANZ XR TB24 .....	2
venlafaxine hcl CP24 150 MG .....	14	VITRAKVI CAPS .....	26	XEOMIN .....	56
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG .....	14	VITRAKVI SOLN .....	26	XERAVA .....	61
venlafaxine hcl CP24 75 MG .....	14	VIZIMPRO .....	24	XGEVA SOLN .....	43
venlafaxine hcl TABS .....	14	VORAXAZE .....	27	XHANCE EXHU .....	56
venlafaxine hcl TB24 150 MG .....	14	voriconazole TABS .....	17	XIFAXAN 200 MG .....	20
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG .....	14	VOTRIENT (pazopanib hcl) .....	26		
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	32	VYNDAMAX .....	33		
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG .....	32	VYNDAQEL .....	33		
		VYVANSE CAPS .....	1		
		warfarin sodium TABS .....	10		

XIFAXAN 550 MG .....	20	ZELBORAF .....	26	ZYDELIG .....	26
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	42	ZYLET .....	58
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	42		
XOLAIR SOLR .....	8	zidovudine CAPS .....	30		
XOLAIR SOSY 150 MG/ML .....	8	zidovudine SYRP .....	30		
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	8	zidovudine TABS .....	30		
XOSPATA .....	26	ZIEXTENZO .....	48		
XPOVIO .....	24	zileuton TB12 .....	9		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25		ziprasidone hcl .....	28		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25		ZIRABEV .....	23		
XTAMPZA ER .....	6	ZIRGAN GEL .....	57		
XTANDI CAPS .....	24	ZOLADEX 10.8 MG .....	24		
XTANDI TABS 40 MG .....	24	ZOLADEX 3.6 MG .....	24		
XTANDI TABS 80 MG .....	24	zoledronic acid CONC .....	43		
XULTOPHY 100/3.6 .....	15	zoledronic acid SOLN .....	43		
YERVOY .....	23	ZOLINZA .....	26		
YONSA .....	24	zolmitriptan SOLN .....	52		
zafirlukast .....	9	zolmitriptan TABS .....	52		
zaleplon 10 MG .....	48	zolmitriptan TBDP .....	52		
zaleplon 5 MG .....	48	zolpidem tartrate TABS .....	48		
ZALTRAP 100 MG/4ML .....	23	zolpidem tartrate TBCR .....	48		
ZANOSAR .....	23	zonisamide CAPS .....	12		
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	12	ZONTIVITY .....	47		
ZARXIO .....	48	ZORBITIVE SC .....	44		
ZEJULA CAPS .....	26				
ZEJULA TABS 100 MG .....	26				
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	26				



